

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/DS-PT

Ngày: 07- 01 - 2025.

V/v: "Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Trang;

Ông Nguyễn Duy Thuần.

Thư ký phiên tòa: Ông Dương Công Bình – Thư ký Tòa án;

Đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk: Bà Trương Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên
tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử
phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 262/2024/TLPT-DS ngày
15/10/2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Do Bản án dân sự sơ thẩm
số 28/2024/DS-ST ngày 30/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng bị
kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 318/2024/QĐ - PT
ngày 04/11/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lục Thị B, sinh năm 1957; Địa chỉ: Tổ 4, thôn H, xã Q,
huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt);

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Đức M, sinh năm 1974; bà Trần Thị Thúy H, sinh năm
1978; Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Ông M có mặt, bà H
vắng mặt);

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Bà Lục Thị T, sinh năm 1972;
Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt);

- **Người kháng cáo:** Bị đơn ông Nguyễn Đức M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn bà Lục Thị B trình bày:

Ngày 05/01/2018 (tức ngày 19/11/2017 âm lịch), vợ chồng ông Nguyễn Đức
M, bà Trần Thị Thúy H có vay của bà B số tiền 150.000.000 đồng. Khi vay các
bên có viết giấy mượn tiền đề ngày 05/01/2018, theo giấy mượn tiền các bên thỏa
thuận trong thời hạn 10 ngày ông M, bà H phải trả tiền cho bà B. Toàn bộ nội

dung giấy mượn tiền là do ông Nguyễn Đức M trực tiếp viết. Phía dưới ở phần người vay có chữ ký, chữ viết “Nguyễn Đức M, Trần Thị Thúy H”. Khi vay tiền ông M, bà H có đưa cho bà B cầm một GCNQSD đất số BS305322 do UBND thị xã G, tỉnh Đắk Nông cấp ngày 27/5/2014 để làm tin. Theo giấy mượn tiền các bên không thỏa thuận về lãi suất nhưng các bên thỏa thuận miệng với nhau lãi suất là 2%/tháng.

Từ khi vay tiền cho tới nay ông M, bà H chưa trả cho bà B bất kỳ khoản tiền nào. Mặc dù, bà B đã nhiều lần yêu cầu ông M, bà H trả nợ nhưng ông M bà H trốn tránh không chịu trả nợ. Việc ông M cho rằng bà Lục Thị T thay ông M trả cho bà B số tiền 200.000.000 đồng là không đúng, bà T không thay mặt ông M trả cho bà B bất kỳ khoản tiền nào. Việc vay mượn giữa bà T với ông M như thế nào bà B không biết và không liên quan. Nay, bà B đề nghị Tòa án buộc vợ chồng ông Nguyễn Đức M, bà Trần Thị Thúy H phải trả cho bà B số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng và tiền lãi suất với mức lãi suất 20%/năm kể từ ngày 16/01/2018 cho đến khi trả xong nợ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Lục Thị B thay đổi yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án buộc vợ chồng ông Nguyễn Đức M, bà Trần Thị Thúy H phải trả cho bà B số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng và tiền lãi suất với mức lãi suất 18%/năm kể từ ngày 16/01/2018 cho đến khi trả xong nợ.

2. Bị đơn ông Nguyễn Đức M trình bày:

Ngày 05/01/2018 (tức ngày 19/11/2017 âm lịch), vợ chồng ông Nguyễn Đức M, bà Trần Thị Thúy H có vay của bà B số tiền 150.000.000 đồng. Khi vay các bên có viết giấy mượn tiền đề ngày 05/01/2018, theo giấy mượn tiền các bên thỏa thuận trong thời hạn 10 ngày ông M, bà H phải trả tiền cho bà B. Toàn bộ nội dung giấy mượn tiền là do ông Nguyễn Đức M trực tiếp viết. Phía dưới ở phần người vay có chữ ký, chữ viết “Nguyễn Đức M, Trần Thị Thúy H”. Khi vay tiền ông M, bà H có đưa cho bà B cầm một GCNQSD đất số BS305322 do UBND thị xã G, tỉnh Đắk Nông cấp ngày 27/5/2014 để làm tin. Theo giấy mượn tiền các bên không thỏa thuận về lãi suất nhưng các bên thỏa thuận miệng với nhau lãi suất là 18%/năm.

Vào ngày 11/4/2024, bà Lục Thị T (em ruột bà B) có thay mặt ông M trả cho bà B số tiền 200.000.000 đồng. Khi trả giữa bà T với bà B có lập văn bản giấy tờ gì hay không thì ông M không biết và không cung cấp được tài liệu chứng cứ. Nay, bà Lục Thị B khởi kiện thì ông M đồng ý trả số nợ gốc và lãi suất còn lại sau khi trừ số tiền 200.000.000 đồng bà T đã trả cho bà B.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lục Thị T trình bày:

Ngày 05/01/2018, bà T có chứng kiến việc vợ chồng ông Nguyễn Đức M, bà Trần Thị Thúy H có vay của bà B số tiền 150.000.000 đồng. Khi vay các bên có viết giấy vay tiền đề ngày 05/01/2018, theo giấy vay tiền các bên thỏa thuận trong

thời hạn 10 ngày ông M, bà H phải trả tiền cho bà B. Toàn bộ nội dung giấy mượn tiền là do ông Nguyễn Đức M trực tiếp viết. Phía dưới ở phần người vay có chữ ký, chữ viết “Nguyễn Đức M, Trần Thị Thúy H” là do vợ chồng ông M, bà H trực tiếp ký nhận.

Ông Nguyễn Đức M cho rằng vào ngày 11/4/2024 bà T trả cho bà B số tiền 200.000.000 đồng thay cho ông M là không đúng sự thật. Bà T xác định nội dung tin nhắn do ông M giao nộp cho Tòa án là giữa bà T với ông M. Tuy nhiên, khoản tiền 200.000.000 đồng có nhắc đến trong nội dung tin nhắn là khoản tiền vay mượn riêng giữa bà T với người khác, không liên quan đến khoản tiền vay giữa vợ chồng ông M với bà B. Nay, bà Lục Thị B khởi kiện thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2024/DS-ST ngày 30/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lục Thị B.

Buộc ông Nguyễn Đức M, bà Trần Thị Thúy H trả cho bà Lục Thị B số tiền: 326.550.000 đồng (Ba trăm hai mươi sáu triệu, năm trăm năm mươi ngàn đồng), trong đó: Tiền nợ gốc 150.000.000 đồng; tiền lãi suất 176.550.000 đồng (tiền lãi tính đến hết ngày 30/7/2024).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bà Lục Thị B phải trả cho ông Nguyễn Đức M, bà Trần Thị Thúy H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS305322 do UBND thị xã G, tỉnh Đắk Nông cấp ngày 27/5/2014 cho ông Nguyễn Đức M, bà Trần Thị Thúy H đối với thửa đất số 641, tờ bản đồ số 3, diện tích 810m², tọa lạc tại tổ dân phố 9, phường N, thị xã G (nay là thành phố G), tỉnh Đắk Nông.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/8/2024, bị đơn ông Nguyễn Đức M kháng cáo một phần Bản án. Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giải quyết khoản nợ của ông vì ông đã đưa tiền cho bà T trả nợ cho bà B 200.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn bà Lục Thị B giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn ông Nguyễn Đức M giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự giữ nguyên quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án.

Quá trình tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm cũng như các đương sự đã tuân thủ đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Qua phân tích đánh giá đại diện Viện kiểm sát cho rằng kháng cáo của ông Nguyễn Đức M là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Đức M, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2024/DS-ST ngày 30/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Đức M, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Bà Lục Thị B, ông Nguyễn Đức M đều thừa nhận ngày 05/01/2018, vợ chồng ông M, bà H có vay của bà B số tiền 150.000.000 đồng. Khi vay các bên có viết giấy mượn tiền đề ngày 05/01/2018 do ông M trực tiếp viết, phía dưới ở phần người vay có chữ ký, chữ viết “Nguyễn Đức M, Trần Thị Thúy H”, trong giấy vay không thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay là 10 ngày ông M, bà H phải trả tiền cho bà B. Khi vay tiền ông M, bà H có đưa cho bà B cầm một GCNQSD đất số BS305322 do UBND thị xã G, tỉnh Đắk Nông cấp ngày 27/5/2014 để làm tin. Quá trình vay ông M, bà H chưa trả cho bà B khoản tiền nào. Do vậy, bà B khởi kiện yêu cầu ông M, bà H phải trả lại số tiền gốc vay 150.000.000 đồng và lãi suất là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Ông M cho rằng ông đã đưa tiền cho bà T trả cho bà B số tiền 200.000.000 đồng thay cho ông M. Nay ông M, bà H chỉ đồng ý trả số nợ gốc và lãi suất còn lại sau khi trừ đi số tiền 200.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà T trình bày có chứng kiến việc ông M, bà H có vay của bà B số tiền 150.000.000 đồng như các đương sự thừa nhận. Tuy nhiên, về nội dung nhận tiền của ông M để trả nợ thay, bà T không thừa nhận việc ông M đã đưa tiền cho bà và nhờ bà đưa cho bà B, bà T xác định bà không liên quan đến việc trả tiền giữa bà B, ông M. Nội dung tin nhắn do ông M giao nộp

cho Tòa án là giữa bà T với ông M. Khoản tiền 200.000.000 đồng trong nội dung tin nhắn là khoản tiền vay mượn riêng giữa bà T với người khác, không liên quan đến khoản tiền vay giữa vợ chồng ông M với bà B. Tại cấp phúc thẩm, ông M cũng không đưa ra được các tài liệu, chứng cứ chứng minh việc ông đã đưa tiền nhờ bà T trả tiền cho bà B đối với khoản vay nêu trên. Do đó, lời trình bày của ông M là không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Đức M là không có căn cứ chấp nhận, cần giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm là phù hợp.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không được chấp nhận đơn kháng cáo nên ông Nguyễn Đức M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Đức M.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2024/DS-ST ngày 30/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lục Thị B;

- Buộc ông Nguyễn Đức M, bà Trần Thị Thúy H trả cho bà Lục Thị B số tiền 326.550.000 đồng (Ba trăm hai mươi sáu triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng), trong đó: Tiền nợ gốc 150.000.000 đồng; tiền lãi suất 176.550.000 đồng (tiền lãi tính đến hết ngày 30/7/2024).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Buộc bà Lục Thị B phải trả cho ông Nguyễn Đức M, bà Trần Thị Thúy H Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS305322 do UBND thị xã G, tỉnh Đắk Nông cấp ngày 27/5/2014 cho ông Nguyễn Đức M, bà Trần Thị Thúy H đối với thửa đất số 641, tờ bản đồ số 3, diện tích 810m², tọa lạc tại tổ dân phố 9, phường N, thị xã G (nay là thành phố G), tỉnh Đắk Nông.

[3] Về án phí:

[3.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Đức M, bà Trần Thị Thúy H phải chịu 16.327.500 đồng (Mười sáu triệu, ba trăm hai mươi bảy ngàn, năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Lục Thị B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[3.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Đức M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2023/0011763, ngày 29/8/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS huyện K;
- Đăng Công TTĐT TANDTC;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hằng